

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 138/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị T và anh P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định.

“Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P đăng ký kết hôn ngày 14-12-2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc tại xóm B, xã M được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai người không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung nặng nề. Vì vậy, chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị T đề nghị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 23-9-2011 và cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-7-2017. Từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung do chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cháu Đ, cháu Phương A chị T đề nghị giao cho anh P nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị T nhận trách nhiệm giao cho cháu Phương A cho anh P nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác nhận lời khai của chị T về thời gian hai người kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 như chị T trình bày là đúng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh P nhận thấy hai người không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh P nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 23-9-2011 và cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-7-2017. Từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung do chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A, cháu Đ để chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh P xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Trần Văn P xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết

hôn ngày 14-12-2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xích mích, hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh P. Anh P xác nhận vợ chồng không thể đoàn tụ nên nhất trí ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P là trầm trọng, hai bên đã sống ly thân thời gian dài nhưng cả hai người đều không mong muốn đoàn tụ nên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 23-9-2011 và cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-7-2017. Từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung do chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cháu Đ, cháu Phương A đề nghị giao cho anh P nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh P có quan điểm đồng nhất với ý kiến của chị T về việc nuôi con chung sau ly hôn.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự và nguyện vọng của con chung thì thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị T và anh P là hoàn toàn chính đáng, hai bên đều là lao động tự do và là người khỏe mạnh, có khả năng lao động. Khi ly hôn, hai bên có quan điểm thống nhất đề nghị giao cháu Phương A cho anh P nuôi dưỡng, cháu Đ giao cho chị T nuôi dưỡng; đồng thời, cháu Phương A cũng có nguyện vọng xin được ở với bố là anh P. Do vậy, cần giao cháu Trần Thị Phương A cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Nguyễn Tiến Đ cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh P không có tài sản chung, không vay mượn ai tài sản gì nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 23-9-2011 cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-7-2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Chị T có trách nhiệm giao cháu Trần Thị Phương A cho anh P nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006643 ngày 12-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã M: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái